

Thứ sáu, ngày 6 tháng 10 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index tăng nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 6/10/2023		●	
Tuần 09/10-13/10/2023		●	
Tháng 10/2023		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Giảm có quanh ngưỡng 1,100 trong cả phiên sáng, VN-Index bật tăng trong phiên chiều và đóng cửa tại mốc 1,128.54 điểm, tăng gần 15 điểm so với phiên hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 17/18 ngành tăng điểm, trong đó các ngành tăng tốt phải kể đến Dịch vụ tài chính, Bán lẻ. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên sàn HNX. Dòng tiền đang có xu hướng luân chuyển qua các nhóm ngành và giao dịch trong biên độ rộng. VN-Index cần những phiên tích lũy trong biên độ hẹp để hình thành đáy ngắn hạn trong những phiên tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 06/10/2023, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index +14.65 điểm, đóng cửa 1128.54 điểm. HNX-Index +2.45 điểm, đóng cửa 230.45 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: VHM (+1.66), VCB (+1.25), VNM (+0.78), BID (+0.75), CTG (+0.72).
- Kéo chỉ số giảm: PGV (-0.25), DPM (-0.05), MSN (-0.04), KDC (-0.03), PGD (-0.02).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 11,981 tỷ đồng, tăng 2.9% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 12,794 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 20.69 điểm. Thị trường có 372 mã tăng, 67 mã tham chiếu, 118 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 136.49 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VIX (47.54 tỷ), VNM (46.82 tỷ), STB (36.82 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -78.51 tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 +1.40%. Các mã diễn biến tích cực: KDH (+3.87%), STB (+3.51%), VHM (+3.37%)
- BSC50 +1.77%. Các mã diễn biến tích cực: VND (+6.91%), DGW (+5.45%), CTD (+4.25%)

Diễn biến các nhóm ngành và chỉ số

Truyền thông	6.11%	Công nghệ Thông	1.12%
Dịch vụ tài chính	3.28%	Thực phẩm và đồ	0.84%
Bán lẻ	2.95%	Tài nguyên Cơ bản	0.43%
Bất động sản	1.90%	Y tế	0.37%
Xây dựng và Vật liệu	1.83%	Hàng cá nhân & Gia	0.34%
Du lịch và Giải trí	1.65%	Bảo hiểm	0.17%
Ô tô và phụ tùng	1.59%	Điện, nước & xăng	-0.05%
Hóa chất	1.41%	VNMID	2.05%
Dầu khí	1.26%	VN30	1.36%
Ngân hàng	1.24%	VNSML	1.14%
Hàng & Dịch vụ Công	1.24%		

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Tư vấn & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1128.54**
 Giá trị: 11981.33 tỷ **14.65 (1.32%)**
 Khối ngoại (ròng): 136.49 tỷ

HNX-INDEX **230.45**
 Giá trị: 1319.99 tỷ **2.45 (1.07%)**
 Khối ngoại (ròng): -78.51 tỷ

UPCOM-INDEX **87.20**
 Giá trị: 498.45 tỷ **0.41 (0.47%)**
 Khối ngoại (ròng): 7.6 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	84.1	-1.99%
Giá vàng	1,820	-0.04%
Tỷ giá USD/VND	24,385	-0.06%
Tỷ giá EUR/VND	25,726	-0.03%
Tỷ giá JPY/VND	163.75	-0.36%
LS liên NH 1 tháng	1.2%	0.00%
LS TPCP 5 năm	1.9%	-3.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIX	47.54	MSN	-107.09
VNM	46.82	DPM	-24.36
STB	36.82	KDH	-17.30
HPG	30.41	NLG	-14.21
SSI	23.99	PLX	-14.19

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 06/10

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	82.49	-2.05%	-10.05%	-4.95%	-5.82%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	84.11	-1.99%	-9.66%	-6.40%	-9.24%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.19	-0.25%	-11.09%	-13.50%	-13.49%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	3.19	7.68%	8.30%	8.37%	-55.96%		
TTF Gas	EUR/MWh	36.21	-5.81%	-8.88%	16.51%	-79.39%		
Vàng	Ounce	1,820.40	-0.04%	-2.37%	-5.00%	6.40%		PNJ
Bạc	Ounce	20.97	0.03%	-7.23%	-9.57%	1.54%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,280.75	0.61%	-1.52%	-6.94%	-6.55%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	16.85	0.54%	-8.32%	-8.97%	-23.79%	KDC	VNM, QNS
Cao su	JPY/kg	138.50	-0.79%	1.84%	-3.15%	0.58%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG
Đường	LB	26.16	0.89%	-2.13%	-0.23%	41.71%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS
Ure	USD/T	435.00	-0.57%	1.75%	-3.87%	-43.14%		DPM, DCM
Niken	LB	18,443.00	-0.04%	-1.61%	-11.50%	-17.93%		PC1
Đồng	LB	3.56	-0.57%	-3.54%	-5.30%	2.92%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Xút	CNY/T	3,090.00	0.00%	0.00%	4.04%	15.73%		CSV
Thép	CNY/ton	3,670.00	0.49%	-2.58%	-0.22%	-7.65%		HPG
Nhôm	Ton	2,234.00	-0.56%	-1.91%	1.85%	-4.81%	CAV, SAM, TGP, VTH	

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên giao dịch ngày 5/10, dầu thô Brent giảm 1.99% xuống 84.11 USD/thùng và dầu thô Tây Texas WTI giảm 2.05% xuống 82.49 USD/thùng.
- Giá dầu giảm 2% sau khi giảm gần 6% phiên trước đó, do lo ngại về nhu cầu nhiên liệu làm lu mờ quyết định của OPEC+ sẽ duy trì việc cắt giảm sản lượng dầu, khiến nguồn cung thắt chặt.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0.04% xuống 1,820.40 USD/ounce và vàng kỳ hạn tháng 12/2023 trên sàn New York giảm 0.2% xuống 1,831.8 USD/ounce.
- Giá vàng giảm phiên thứ 9 liên tiếp, do số liệu của Mỹ cho thấy điều kiện thị trường lao động thắt chặt, đẩy lên mối lo ngại về Cục Dự trữ Liên bang Mỹ sẽ giữ lãi suất ở mức cao hơn trong 1 thời gian.

Giá đồng

- Giá đồng giao sau 3 tháng trên sàn London giảm 0.7% xuống 7,893 USD/tấn, tiến gần đến mức thấp trong tháng 5/2023. Giá đồng giảm phiên thứ 4 liên tiếp, do lo ngại về nhu cầu tại Trung Quốc và sự không chắc chắn về lãi suất và tăng trưởng toàn cầu.

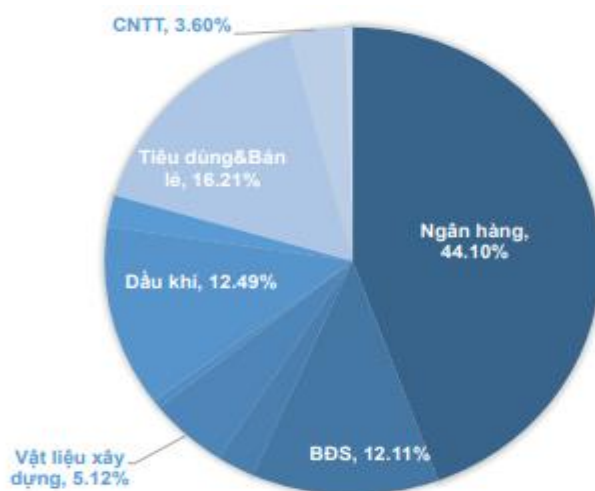
Giá hàng hóa khác

- Tại Thái Lan, giá gạo 5% tằm giảm xuống 585 USD/tấn, giảm so với 590-607 USD/tấn 1 tuần trước đó, do đồng baht giảm xuống mức thấp nhất 11 tháng so với đồng USD. Đối với loại 5% tằm, giá gạo Việt Nam ở mức 610-620 USD/tấn, không thay đổi so với 1 tuần trước đó.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2024 trên sàn ICE tăng 0.23 US cent tương đương 0.9% lên 26.16 US cent/lb. Giá đường thô trên sàn ICE tăng, được hỗ trợ bởi triển vọng nguồn cung toàn cầu thắt chặt, bất chấp đồng nội tệ Brazil suy yếu.

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo
VCB	Ngân hàng	85.4	1.1%	0.9	19,546	2.8	5,797	14.7	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	42.2	1.4%	0.9	8,742	1.0	4,025	10.5	54,578	17.1%	Link
VPB	Ngân hàng	21.0	0.7%	1.1	5,785	7.2	1,727	12.1	23,685	16.6%	Link
TCB	Ngân hàng	32.0	0.8%	1.6	4,616	3.3	5,059	6.3	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	18.2	0.6%	1.5	3,875	3.6	3,496	5.2	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	31.0	3.5%	1.2	2,389	16.6	3,600	8.6	31,200	24.4%	Link
GVR	BDS KCN	20.2	2.0%	1.9	3,309	2.0	714	28.3	19,100	0.5%	Link
KBC	BDS KCN	31.6	2.8%	1.7	995	7.0	4,368	7.2	42,500	20.3%	Link
IDC	BDS KCN	47.0	2.2%	1.7	635	4.3	3,969	11.8	45,900	11.1%	Link
VGC	BDS KCN	51.0	1.6%	1.8	936	1.7	2,651	19.2	-	4.8%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	25.0	0.2%	2.1	5,941	15.6	(328)	-76.0	23,300	26.4%	Link
VHM	Bất động sản	46.0	3.4%	1.0	8,211	6.5	10,341	4.5	79,900	24.2%	Link
VRE	BDS	27.4	2.4%	1.1	2,554	2.2	1,588	17.3	38,900	32.1%	Link
KDH	BDS	29.5	3.9%	1.8	952	2.3	1,280	23.0	44,100	38.9%	Link
NLG	BDS	32.2	0.2%	1.6	506	2.3	1,582	20.4	46,100	41.4%	Link
DGC	Hóa chất	95.0	2.2%	1.7	1,477	9.5	10,728	8.9	85,000	13.5%	Link
DPM	Phân bón	38.0	-1.4%	1.0	610	6.2	6,403	5.9	41,000	15.4%	Link
DCM	Phân bón	35.2	1.1%	1.3	763	6.6	4,286	8.2	36,000	11.4%	Link
GAS	Dầu khí	84.2	0.0%	0.6	7,919	1.2	5,567	15.1	110,500	2.9%	Link
PLX	Dầu khí	35.0	1.7%	0.8	1,821	3.1	2,125	16.5	45,000	17.3%	Link
PVS	Dầu khí	36.8	1.1%	1.0	720	6.3	1,953	18.8	38,500	20.3%	Link
PVD	Dầu khí	25.8	-0.2%	1.0	587	2.3	449	57.5	29,000	21.3%	Link
POW	Tiện ích	11.2	2.8%	0.9	1,074	2.4	602	18.6	14,500	6.2%	Link
VNM	F&B	74.2	2.1%	0.4	6,350	3.7	3,935	18.9	81,700	54.4%	Link
MSN	F&B	72.7	-0.1%	1.3	4,260	6.9	916	79.4	27,700	30.5%	Link
MWG	Bán lẻ	48.3	2.8%	1.8	2,893	10.3	1,069	45.2	63,800	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	78.0	0.3%	0.6	1,048	0.6	5,503	14.2	83,500	49.0%	Link
VHC	Thủy sản	81.4	0.7%	1.0	611	2.7	7,080	11.5	90,900	32.1%	Link
GMD	Logistics	65.0	1.1%	0.5	814	2.3	7,470	8.7	57,000	47.0%	Link
FPT	Công nghệ	92.7	1.2%	0.7	4,821	4.4	4,573	20.3	108,000	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	28.7	2.10%	1.1	5,648	3.7	3,664	7.8	1.2	27.2%	16.1%
ACB	Ngân hàng	21.8	0.9%	1.1	3,467	2.2	3,722	5.9	1.4	30.0%	25.2%
HDB	Ngân hàng	17.1	0.9%	0.8	2,026	5.3	2,765	6.2	1.3	20.0%	23.2%
LPB	Ngân hàng	13.8	1.1%	1.3	1,440	3.1	1,410	9.8	1.4	3.9%	15.9%
VIB	Ngân hàng	18.7	1.1%	1.3	1,943	2.4	3,534	5.3	1.4	20.5%	28.8%
VND	Chứng khoán	20.9	6.9%	2.0	1,042	29.8	467	44.8	1.7	23.6%	3.8%
TPB	Ngân hàng	16.8	1.5%	1.0	1,515	3.1	2,697	6.2	1.2	28.8%	19.8%
SSI	chứng khoán	33.0	4.1%	1.6	2,023	35.8	1,090	30.2	2.3	46.1%	9.0%
CII	Xây dựng	17.9	-0.6%	1.7	208	5.9	318	56.3	7.2	8.5%	2.6%
C4G	Xây dựng	12.6	1.6%	1.9	0	0.8	445	28.3	1.2	0.0%	5.2%
CTD	Xây dựng	51.5	4.3%	1.9	209	2.0	681	75.6	0.6	43.5%	0.8%
HHV	Xây dựng	16.8	1.8%	1.6	227	8.2	919	18.3	0.6	4.8%	4.2%
LCG	Xây dựng	12.8	1.6%	2.2	99	3.2	482	26.5	1.0	3.1%	3.8%
BCM	KCN	69.5	0.9%	0.7	2,946	0.5	418	166.3	4.1	2.7%	1.7%
HUT	KCN	23.0	2.2%	1.3	841	4.5	56	407.1	5.6	2.0%	1.3%
PHR	KCN	48.6	1.9%	1.3	269	0.4	6,568	7.4	1.9	15.4%	26.9%
SZC	KCN	36.4	2.4%	1.8	179	1.7	1,405	25.9	2.7	3.0%	10.9%
HSG	Vật liệu	18.8	2.2%	2.4	473	5.9	(2,105)	-8.9	1.1	20.5%	2.3%
HT1	Vật liệu	13.9	0.7%	1.6	217	0.1	176	79.0	1.1	3.6%	1.3%
NKG	Vật liệu	19.2	3.0%	2.5	206	3.9	(2,655)	-7.2	1.0	10.6%	13.5%
PTB	Vật liệu	62.4	1.0%	0.9	171	1.5	5,309	11.8	1.5	17.4%	13.4%
KSB	Vật liệu	28.5	2.7%	1.7	89	1.5	1,482	19.2	1.1	3.0%	5.8%
NVL	BDS	13.9	0.7%	1.7	1,110	9.3	(295)	-47.1	0.7	3.8%	1.9%
DXG	BDS	16.7	0.6%	2.7	417	11.9	(317)	-52.7	0.7	18.5%	3.4%
HDC	BDS	31.0	3.9%	1.1	172	2.8	2,190	14.2	2.2	2.0%	16.9%
DIG	BDS	22.3	2.3%	2.4	557	20.0	152	146.5	1.8	5.6%	1.1%
IJC	BDS	14.0	0.4%	2.0	145	0.4	1,597	8.8	1.0	5.7%	10.9%
BSR	Dầu khí	19.9	0.0%	1.3	0	8.0	1,596	12.5	1.2	0.4%	9.7%
PVT	Dầu khí	27.6	3.4%	0.7	366	2.9	2,993	9.2	1.1	13.5%	16.4%
PLC	Vật liệu	33.6	1.5%	1.6	111	0.1	1,353	24.8	2.1	1.2%	8.5%
DRC	Săm lốp	23.0	1.1%	1.1	112	0.1	1,980	11.6	1.6	11.5%	13.5%
REE	Tiện ích	62.2	0.3%	0.6	1,041	1.0	6,445	9.7	1.3	49.0%	18.5%
GEX	Tiện ích	20.4	2.8%	1.9	710	9.2	384	52.9	0.9	11.9%	5.4%
NT2	Tiện ích	24.2	0.2%	0.6	285	0.2	2,560	9.5	1.5	15.3%	16.2%
HDG	Bất động sản	27.7	2.4%	1.8	347	0.9	2,739	10.1	1.3	23.8%	16.8%
PC1	Tiện ích	30.8	2.8%	1.4	342	3.4	944	32.7	1.5	5.6%	5.0%
GEG	Tiện ích	14.8	2.1%	0.9	207	0.4	636	23.3	0.9	45.9%	5.6%
BCG	Tiện ích	9.0	1.1%	2.5	197	2.6	(79)	-114.5	0.3	2.0%	0.3%
SAB	F&B	69.6	0.1%	0.2	3,656	0.9	3,518	19.8	3.6	62.3%	18.7%
QNS	F&B	48.3	1.0%	0.5	0	0.5	4,965	9.7	2.2	16.2%	24.3%
FRT	Bán lẻ	97.5	3.3%	1.4	544	2.5	(327)	-297.9	8.3	32.6%	11.8%
DGW	Bán lẻ	58.0	5.5%	2.2	397	4.3	2,984	19.4	4.4	23.6%	21.9%
DBC	F&B	22.3	1.8%	2.0	221	2.9	551	40.5	1.2	5.9%	2.9%
PET	Bán lẻ	25.9	3.2%	2.3	113	0.3	837	31.0	1.4	1.4%	5.7%
BAF	F&B	23.5	0.4%	0.9	138	1.8	1,225	19.2	2.0	0.1%	10.2%
ANV	Thủy sản	38.2	1.9%	1.8	208	4.8	2,162	17.7	1.9	3.9%	10.0%
VSC	Logistics	26.5	1.5%	0.3	145	0.7	1,370	19.3	1.1	3.2%	7.9%
HAH	Logistics	39.1	3.2%	1.0	169	5.3	5,742	6.8	1.4	4.1%	24.6%
CTR	Công nghệ	78.5	1.8%	1.3	368	0.7	4,238	18.5	5.5	9.7%	32.1%
TNG	Dệt may	20.8	0.5%	1.6	97	1.5	2,353	8.8	1.5	21.5%	17.1%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639